

Bản án số: 89/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16-4-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đào Thị Thanh Phương.

2. Ông Ngô Văn Nghị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 372/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Bích N, sinh năm 1996 (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Minh T, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện S, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là chị Trương Thị Bích N trình bày: Chị và anh Trần Minh T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau được gia đình hai bên chấp nhận tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau đó có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào ngày 24/5/2017. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh T có quan hệ ngoại tình, chị đã nộp đơn đến Tòa một lần, sau đó rút đơn. Đến năm 2023 thì anh T lại tiếp tục ngoại tình với người khác, chị không thể chấp nhận bỏ qua được nữa. Từ tháng 11/2023 thì vợ chồng cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống, bỏ mặc không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương gì chị yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Trần Trương Minh T1 (nữ) sinh ngày 28/4/2018 hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc con chung đến trưởng thành; yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trần Minh T trình bày: Anh thống nhất với chị Trương Thị Bích N trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, thời gian chung sống với nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh thừa nhận là trong khi đi làm ăn xa có tán tỉnh, hẹn hò với người khác và bị chị N biết được rồi giận dỗi bỏ về bên cha mẹ để sống. Nay xét thấy vẫn còn yêu thương vợ nên chị N yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Trần Trương Minh T1 (nữ) sinh ngày 28/4/2018, do không yêu cầu ly hôn nên không yêu cầu về con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, cơ bản đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên còn có một vài vi phạm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ - theo quy định tại các Điều 70, 72, 73 BLTT Dân sự 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: chị Trương Thị Bích N được ly hôn anh Trần Minh T; về con chung: giao con chung là Trần Trương Minh T1 (nữ) sinh ngày 28/4/2018 cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc đến trưởng thành; về cấp dưỡng nuôi con: buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn, anh Trần Minh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Bích N và anh Trần Minh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 24/5/2017 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, chị N, anh T chung sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh T không chung thủy trong tình cảm vợ chồng, chị N đã bỏ qua để tiếp tục chung sống nhưng anh T không sửa đổi còn tiếp tục tái phạm. Từ tháng 11/2023 thì vợ chồng đã cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống, bỏ mặc không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh T có mặt tại địa phương mặc dù đã được triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa là thể hiện không xem trọng cuộc hôn nhân này. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị N yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh T bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của mình, không đưa ra được phương án thuyết phục chị N nên việc anh không đồng ý ly hôn là không có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung tên Trần Trương Minh T1 (nữ) sinh ngày 28/4/2018 hiện đang sống cùng chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc con chung đến trưởng thành. HĐXX xét thấy yêu cầu của chị N là đảm bảo cho sự phát triển ổn định của trẻ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nghị nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật. Yêu cầu này của chị N là phù hợp với các quy định tại Điều 107 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nghị nên chấp nhận: buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 1.000.000đ/tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 4/2024 cho đến khi con chung (T1) đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Án phí ly hôn: cần buộc chị Trương Thị Bích N phải nộp 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ.

- Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: anh Trần Minh T phải nộp 300.000đ.

[6] Lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Bích N:

- Về hôn nhân: Chị Trương Thị Bích N được ly hôn anh Trần Minh T.

- Về con chung: giao con chung tên Trần Trương Minh T1 (nữ) sinh ngày 28/4/2018 cho chị Trương Thị Bích N nuôi dưỡng, chăm sóc đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: buộc anh Trần Minh T phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 1.000.000đ/tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 4/2024 cho đến khi con chung (T1) đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

2/ Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: chị Trương Thị Bích N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai số 0003456 ngày 20/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị N đã nộp đủ án phí.

- Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: anh Trần Minh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án.

4/ Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam